

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON BẾN THÀNH

Số: 383/TB-MNBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 1, ngày 20 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc công khai dự toán chi tiết
Năm học 2023 - 2024

Căn cứ các văn bản pháp lý:

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024;

Căn cứ công văn số 4687/SGDDĐT-KHTC ngày 25/ 8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023- 2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ văn bản số 3710/UBND-GDDĐT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 1 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 – 2024 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Quận 1;

Thông báo số 383 /TB-MNBT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Trường mầm non Bến Thành về việc thực hiện các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ



phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của trường mầm non Bến Thành năm học 2023-2024;

Căn cứ biên bản họp cha mẹ học sinh các lớp: 100% Cha mẹ học sinh thống nhất khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của Trường Mầm non Bến Thành năm học 2023-2024 như sau:

STT	Nội dung	Công thức	Số dự toán	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (giữ nguyên, tăng, giảm, lý do...)
I	SỐ HỌC SINH	$1=2+3$	320		
	+ Nhà trẻ	2	70		
	+ Mẫu giáo (khối Mầm)	3	80		
	+ Mẫu giáo (Khối Chồi, lá)	4	170		
II	DỰ TOÁN THU CHI				
A	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa				
I	<i>Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè</i>	200	200		250.000đ/tuần * 4 tuần = 1.000.000đ
a	Mức thu đề nghị/tháng	$5=6/1$	1.000.000		Giảm so với năm học 2022- 2023
b	Tổng dự toán chi	$6=7+8+9+10$	200.000.000	<u>100%</u>	
b.1	<i>Chi thanh toán cá nhân</i>	7	182.000.000		
	+ Chi lương cho nhân viên HD trường		95.466.400	48%	
	+ Chi BHXH+BHYT+KPCĐ		22.433.600	11%	
	+ Chi công tác quản lý nuôi dạy trong hè		7.000.000	4%	
	+ Chi công phục vụ nuôi dạy trẻ trong hè		30.000.000	15%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		27.100.000	14%	

b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	8	10.000.000		
	- Tiền điện, nước, VPP, VTVP		10.000.000	5%	
b.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	9	5.000.000		
	- Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị		5.000.000	3%	
b.4	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)	10	3.000.000	2%	
B	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo đề án				
1	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" khối Mầm				Theo tháng
a	Mức thu	80hs	1.725.000		Mức thu tăng 15% so với mức cũ
	Mức thu Khối Mầm đề nghị/tháng (80 học sinh * 1.725.000đ)		138.000.000		
b	Tổng dự toán chi		138.000.000	100%	
b.1	Chi thanh toán cá nhân		20.700.000		
	- Tiền quản lý phí (03BGH, 03VP)		6.900.000	5%	
	- Tiền quản lý lớp (GV)		12.420.000	9%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		1.380.000	1%	
b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		93.840.000		
	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm		93.840.000	68%	
b.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		15.180.000		

	- Chi trả các khoản chi phí cho hoạt động của các lớp như : tiền điện, nước, vệ sinh, văn phòng phẩm, dụng cụ luyện tập, đồ dùng chuyên môn, photo tài liệu...		6.900.000	5%	
	Chi mua sắm bổ sung trang thiết bị, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất cho các lớp thực hiện tiên tiến hội nhập theo đề án.		8.280.000	6%	
b.4	Chi các hoạt động trải nghiệm		5.520.000	4%	
b.5	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		2.760.000	2%	
2	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" khối Chồi, Lá				Theo tháng
a	Mức thu	170hs	1.500.000		Mức thu giữ nguyên như năm cũ
	Mức thu Khối Chồi, lá đề nghị/tháng (170 học sinh * 1.500.000đ)		255.000.000		
b	Tổng dự toán chi		255.000.000	<u>100%</u>	
b.1	Chi thanh toán cá nhân		40.800.000		
	- Tiền quản lý phí (03BGH, 03VP)		15.300.000	6%	
	- Tiền quản lý lớp (GV)		20.400.000	8%	
	- Chi tiền công phục vụ (NV)		5.100.000	2%	
b.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		173.400.000		
	- Chi trả tiền phí giảng dạy cho các trung tâm		173.400.000	68%	

b.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		20.400.000		
	- Chi trả các khoản chi phí cho hoạt động của các lớp như : tiền điện, nước, vệ sinh, văn phòng phẩm, dụng cụ luyện tập, đồ dùng chuyên môn, photo tài liệu...		7.650.000	3%	
	Chi mua sắm bổ sung trang thiết bị, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất cho các lớp thực hiện tiên tiến hội nhập theo đề án.		12.750.000	5%	
b.4	Chi các hoạt động trải nghiệm		15.300.000	6%	
b.5	Chi nộp thuế TNDN (2% x Tổng thu)		5.100.000	2%	
C	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú				
I	Tiền tổ chức phục vụ bán trú và vệ sinh bán trú (320 hs)				Theo tháng
1.1	Tiền đề nghị	320 hs	550.000	0%	giữ nguyên - 550.000 đ/tháng
1.2	Mức thu đề nghị: 550.000đ/tháng		176.000.000		
1.3	Tổng dự toán chi		176.000.000	<u>100%</u>	
	- Chi thanh toán cá nhân		124.359.120		
	* Chi lương cho Cấp dưỡng : 3 người (HD qua dịch vụ)		23.586.552	13%	
	* Chi phụ cấp thêm giờ cho khối CNV: 01 người x 10giờ/người/tháng		600.000	0%	
	* Chi lương cho 02 nhân viên BV (HD qua dịch vụ)		15.724.368	9%	

* Chi lương cho 03 nhân viên PV (HD Trường)	14.367.600	8%	
* Chi lương cho 01 nhân viên y tế (HD trường)	8.000.000	5%	
* Chi lương cho 01 nhân viên kế toán (HD trường)	8.000.000	5%	
* Chi lương cho 02 nhân viên cấp dưỡng (HD trường)	9.687.600	6%	
* Nộp BHXH, BHYT, BHTN (21,5%) cho Cấp dưỡng và NV y tế	8.611.900	5%	
* Nộp KPCĐ (2%) cho Cấp dưỡng và NV y tế	801.100	0%	
* Trả công phục vụ bán trú : 53 người x 500.000 đ/người	26.500.000	15%	
* Tiền PC kiêm nhiệm nhóm trưởng: 15 người x 100.000đ/người	1.500.000	1%	
* Tiền PC giáo viên khối lớp Lá + Thỏ ngọc: 08 người x 100.000 đ/người	800.000	0%	
* Tiền PC kiêm nhiệm công tác đoàn thể : 04 người x 100.000đ/người	400.000	0%	
* Chi quản lý phí (1% thu PVBT - Hiệu trưởng, 1% thu PVBT - kế toán, thu quỹ; 0,8% Phó Hiệu trưởng)	4.480.000	3%	
* Chi hỗ trợ công tác phí : 02 người	1.000.000	1%	

	* Chi hỗ trợ cước ĐT : 01 người		300.000	0%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		27.640.880		
	* Hoạt động giáo dục (Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học, sách tham khảo ...)		14.100.880	8%	
	* Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ		6.000.000	3%	
	* Mua sắm đồ dùng vệ sinh: xà bông, khăn giấy, nước lau sàn, rửa chén, nước rửa tay....)		7.540.000	4%	
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		20.480.000		
	* Tiền mua vật tư sửa điện nước		8.000.000	5%	
	* Thanh toán tiền điện, nước, điện thoại		8.000.000	5%	
	* Thanh toán tiền vệ sinh môi trường...		4.480.000	3%	
	Chi nộp thuế		3.520.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền PVBT và VSBT)		3.520.000	2%	
2	Tiền công phục vụ ăn sáng (250 hs)				Theo tháng
2.1	Tiền đề nghị	250hs	220.000	-21%	Giảm - 60.000 đ/tháng (giảm 21% so với năm 2022-2023 vì thực hiện theo mức thu NQ04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023)
2.2	Mức thu đề nghị: 220.000đ/tháng		55.000.000		

NO
NE

2.3	Tổng dự toán chi		55.000.000	<u>100%</u>	
	- Chi thanh toán cá nhân		53.000.000		
	* Chi trả công PV ăn sáng : 53 người x 1.000.000đ/người		53.000.000	96%	
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất		900.000		
	* Tiền mua vật tư sửa điện nước		900.000	2%	
	Chi nộp thuế		1.100.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền PVAS)		1.100.000	2%	
3	Tiền mua sắm thiết bị vật dụng bán trú (330 hs)				Theo năm
3.1	Tiền đề nghị	320hs	400.000	0%	
3.2	Mức thu đề nghị: 400.000đ/năm		128.000.000		
3.3	Tổng dự toán chi		128.000.000	<u>100%</u>	
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động		125.440.000		
	- Mua đồ thay chén, ly uống nước, đồ dùng bữa ăn cho học sinh		96.000.000	75%	
	- Mua bổ sung, thay mới đồ dùng, dụng cụ nhà bếp		29.440.000	23%	
	Chi nộp thuế		2.560.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền TTB BT)		2.560.000	2%	

4	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 và NQ04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 (330hs)				Theo tháng
4.1	Tiền đề nghị	320hs	160.000	0%	giữ nguyên - 160.000 đ/tháng
4.2	Mức thu đề nghị: 160.000đ/tháng		51.200.000		
4.3	Tổng dự toán chi		51.200.000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân		50.176.000		
	* Chi lương cho 9 NVND (HĐ trường)		24.008.400	47%	(- 2.340.000) x 9 người
	* Chi lương cho 2 NVND (HĐ qua dịch vụ)		15.576.500	30%	
	* Nộp BHXH, BHYT, BHTN (21,5%) cho NVND		9.689.700	19%	
	* Nộp KPCĐ (2%) cho NVND		901.400	2%	
	Chi nộp thuế		1.024.000		
	- Thuế TNDN (2% x tổng thu tiền NQ04)		1.024.000	2%	
D	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh				
1	Tiền mua sắm đồ phục học sinh				
1.1	Tiền đề nghị	320hs	200.000		Thu theo NQ04/2023/NQ-HĐND
1.2	Mức thu đề nghị: 200.000đ/bộ		64.000.000		
1.3	Tổng dự toán chi		64.000.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		64.000.000	100%	

	'- Chi trả tiền đồng phục cho công ty		64.000.000		
2	Học phẩm				
2.1	Tiền đề nghị	320hs	30.000	0%	Thu theo NQ04/2023/NQ-HĐND
2.2	Mức thu đề nghị: 30.000đ/năm		9.600.000		
2.3	Tổng dự toán chi		9.600.000	<u>100%</u>	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.600.000		
	- Chi tiền mua sổ bé ngoan (15.000đ/sổ)		4.800.000	50%	
	- Chi tiền mua bút xáp, bút màu (30.000đ/hộp)		3.150.000	33%	
	- Chi tiền mua giấy màu (5.000đ/xáp)		1.650.000	17%	
3	Học cụ - Học Liệu				Theo năm
3.1	Tiền đề nghị	320hs	320.000	0%	giữ nguyên mức thu cũ
3.2	Mức thu đề nghị: 320.000đ/năm		102.400.000		
3.3	Tổng dự toán chi		102.400.000	<u>100%</u>	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		102.400.000		
	- Chi trả tiền mua tủ, kệ góc chơi, đồ chơi cho học sinh		46.300.000	45%	
	- Chi trả tiền mua trống con..... (62.000đ/cái)	62000	20.460.000	20%	
	- Bộ râu dây (108.000đ/bộ)	108000	35.640.000	35%	
4	Tiền suất ăn trưa bán trú (ngày)				Theo ngày

4.1	Tiền đề nghị	320hs	35.000	-8%	Giảm - 3.000 đ/tháng (giảm 8% so với năm 2022-2023 vì thực hiện theo mức thu của NQ04/2023/NQ-HDND)
4.2	Mức thu đề nghị: 35.000đ/ngày		11.200.000		
4.3	Tổng dự toán chi		11.200.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		11.200.000		
	- Chi trả tiền suất ăn trưa cho các bé		11.200.000	100%	
5	Tiền ăn sáng/ngày x số ngày ăn				Theo ngày
5.1	Tiền đề nghị	250hs	17.000	13%	Mức thu tăng 13% so với mức cũ
5.2	Mức thu đề nghị: 17.000đ/ngày		4.250.000		
5.3	Tổng dự toán chi		4.250.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		4.250.000		
	- Chi trả tiền suất ăn sáng cho các bé		4.250.000	100%	
6	Tiền nước uống				Theo tháng
6.1	Tiền đề nghị	320hs	15.000	0%	giữ nguyên mức thu cũ
6.2	Mức thu đề nghị: 15.000đ/tháng		4.950.000		
6.3	Tổng dự toán chi		4.950.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		4.950.000		
	- Chi trả tiền nước uống cho các bé		4.950.000	100%	
7	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)/ năm				Theo năm

7.1	Tiền đề nghị	320hs	30.0fv00		Thu theo NQ04/2023/NQ- HDND
7.2	Mức thu đề nghị: 30.000đ/năm	30.000	9.600.000		
7.3	Tổng dự toán chi		9.600.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.600.000		
	- Chi trả tiền khám sức khỏe cho bé		9.600.000	100%	
8	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (Tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)				Theo tháng
8.1	Tiền đề nghị	320hs	30.000	0%	giữ nguyên mức thu cũ
8.2	Mức thu đề nghị: 30.000đ/ tháng		9.600.000		
8.3	Tổng dự toán chi		9.600.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		9.600.000		
	- Thanh toán tiền điện		5.760.000	60%	
	- Thanh toán tiền bảo trì, vệ sinh máy lạnh		3.840.000	40%	
9	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số				Theo tháng
9.1	Tiền đề nghị	320hs	20.000	0%	Thu theo NQ04/2023/NQ- HDND (giữ nguyên mức thu cũ)
9.2	Mức thu đề nghị: 20.000đ/tháng	20.000	6.400.000		
9.3	Tổng dự toán chi		6.400.000	100%	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn		6.400.000		

- Chi trả tiền sổ liên lạc điện tử	6.400.000	100%	
------------------------------------	-----------	------	--

Các khoản thu trên, sau khi phụ huynh đã đóng tiền nhà trường chỉ hoàn trả lại khoản tiền suất ăn trưa bán trú (35.000 đồng/ngày) nhà trường sẽ hoàn trả lại khi học sinh có ngày nghỉ học trong tháng hoặc rút hồ sơ chuyển trường;

Khoản thu tiền ăn sáng, phục vụ ăn sáng là hoạt động cung ứng dịch vụ nhà trường phục vụ theo yêu cầu của PHHS, hoàn toàn không bắt buộc. Vì vậy, nhà trường không hoàn trả lại tiền ăn sáng, phục vụ ăn sáng nếu phụ huynh đã đăng ký.

Tiền học phí của năm học 2023 – 2024 nhà trường sẽ tổ chức thu khi có hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Quận 1

*** CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM, HỖ TRỢ:**

Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh và chính sách phát triển giáo dục mầm non đã ban hành, cụ thể như sau:

Công văn số 794/SGDDT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021 - 2022;

Công văn số 1406/SGDDT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo;

Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ mồ côi theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố. Thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

Hỗ trợ chi phí học sinh theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023:

Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2842/GDDT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 6 năm 2023 về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

Mọi thông tin liên hệ và hỗ trợ xin vui lòng gọi văn phòng trường mầm non Bến Thành theo số điện thoại (028)38394941.

Nơi nhận:

- Phòng GD và ĐT Q1 (để báo cáo);
- Đăng trên website trường;
- GV các lớp; bộ phận văn phòng
- Lưu: VT.



Nguyễn Mai Hằng